TAND HUYỆN LN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2019
V/v ly hôn giữa chị Hợp- anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan
Bà Trần Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LN tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 520/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình sơ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T TR, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.
-*Bị đơn:* Anh Hứa Văn Q, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn T TR, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 26/9/2019 cùng các lời khai nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày như sau: Chị chung sống với anh Hứa Văn Q năm 1999 đến ngày 01/9/2004 thì hai bên mới đi đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Q ở thôn T TR, xã TD, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, do mâu thuẫn xô sát anh Q đánh đập chị phải nhập viện nên chị bỏ về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn Q.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có ba con chung là Hứa Thị H1 sinh năm 2000 và Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002, Hứa Thanh B, sinh ngày

14/10/2005, nếu vợ chồng ly hôn cháu Hứa Thị H1 đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002 và Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005 do anh Hứa Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chi được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

-*Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác*: Chị Chu Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Chu Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/9/2019 bị đơn anh Hứa Văn Q trình bày: Anh chung sống với chị Chu Thị H năm 1999 đến ngày 01/9/2004 thì hai bên mới đi đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Q ở thôn T TR, xã TD, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và anh có đánh đập chị Hợp phải nhập viện nên chị Hợp bỏ về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân còn đạt được chị Hợp đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh không đồng ý.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có ba con chung là Hứa Thị H1 sinh năm 2000 và Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002, Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005, nếu vợ chồng ly hôn cháu Hứa Thị H1 đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002 và Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005 anh xin tiếp tục nuôi dưỡng, anh yêu cầu chị Hợp góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/01 con /01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị Hợp được quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

-*Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác*: Anh Hứa Văn Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hứa Văn Q vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83,110, 116,117,119 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Hứa Văn Q.

- Về con chung: Giao cho anh Hứa Văn Q trực tiếp nuôi con chung là Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002, và Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005. Chị Chu

Thị H góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị Chu Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở chị Hợp thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*:* Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Chu Thị H chung sống với anh Hứa Văn Q năm 1999 đến ngày 01/9/2004 thì hai bên mới đi đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Q ở thôn T TR, xã TD, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, do mâu thuẫn xô sát anh Q đánh đập chị Hợp phải nhập viện nên chị bỏ về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Phía chị Hợp xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn Q. Phía anh Q không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng thừa nhận hiện vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2010 khi chị Hợp về nhà mẹ đẻ ở. Qua kết quả xác minh với chính quyền địa P và Ủy ban nhân dân xã TD xác nhận vợ chồng anh chị đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm và kinh tế từ khi chị Hợp bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Hợp, anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Hứa Văn Q.

[3] *Về con chung*: Chị Chu Thị H và anh Hứa Văn Q có ba con chung là Hứa Thị H1 sinh năm 2000 và Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002, Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005, nếu vợ chồng ly hôn cháu Hứa Thị H1 đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002 và Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005 cả chị Hợp và anh Q đều thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên cần giao con cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Chu Thị H có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con

theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con chung phía anh Q yêu cầu chị Hợp góp cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 con/01 tháng. HĐXX xét thấy hiện nay chị Hợp đang làm công nhân tại công ty may mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng, hiện cháu Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002, Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005 đều đã nghỉ học đi làm thuê có thu nhập, xét mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Q đưa ra là cao so với thu nhập thực tế của chị Hợp mà chỉ có cơ sở chấp nhận buộc chị Hợp phải có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy đinh tại các Điều 110, 116, 117, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị Chu Thị H và anh Hứa Văn Q đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004317 ngày 26/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Chị Chu Thị H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Chu Thị H, anh Hứa Văn Q được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116,117,119 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Hứa Văn Q.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Hứa Văn Q trực tiếp nuôi con chung là Hứa Xuân P, sinh ngày 12/8/2002 và Hứa Thanh B, sinh ngày 14/10/2005. Chị Chu Thị H góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Chu Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở chị Hợp thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004317 ngày 26/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Chị Chu Thị H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bắc Giang;
VKSND tỉnh Bắc Giang;
VKSND huyện LN;
Chi cục THADS huyện LN;
Các đương sự;
UBND xã BS;
Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Hoa